

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KHÁNH HỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ KHÁNH HỘI

BÁO CÁO CÔNG KHAI
NĂM: 2026

(Thời điểm báo cáo ngày 21 tháng 6 năm 2026)

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên trường: Trường THCS Khánh Hội

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân xã Khánh Hội

Cơ quan chỉ đạo chuyên môn: Sở GDĐT Ninh Bình

Địa chỉ: Thôn 4 Tây, xã Khánh Hội, tỉnh Ninh Bình

Tỉnh	Ninh Bình	Họ và tên hiệu trưởng	Ngô Quang Minh
Xã	Khánh Hội	Điện thoại	0828287828
Đạt chuẩn quốc gia	2022	Fax	
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1959	Website	http://ninhbinh.edu.vn/thcskhanhhoi
Công lập	x	Số điểm trường	01
Tư thục		Loại hình khác	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	

Sứ mạng: “Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao”

Tầm nhìn “Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại”.

Trường Trung học cơ sở Khánh Hội, xã Khánh Hội được thành lập năm 1959, nằm trên địa bàn xã Khánh Hội, tỉnh Ninh Bình. Khi thành lập trường có tên gọi là trường cấp 2 Khánh Hội. Đến năm 1981, trường được đổi tên là

Trường phổ thông cơ sở Khánh Hội. Từ năm 1990 đến nay, trường có tên gọi là trường THCS Khánh Hội. Trường nằm ngay cạnh tỉnh lộ 481B thuộc xóm 4 Tây, xã Khánh Hội - ngay trung tâm của xã; phía đông giáp xã Khánh Thiện; phía bắc giáp xã Yên Khánh, phía Nam giáp xã Kim Sơn, phía Tây giáp với xã Khánh Nhạc.

Hiện nay trường được xây dựng khang trang với tổng Diện tích 5.616 m², gồm khu A, khu B và khu C, và một số phòng chức năng: phòng tin học, mỹ thuật, âm nhạc... có 02 nhà xe giáo viên, 03 nhà xe học sinh; có công trình vệ sinh giáo viên và học sinh đảm bảo theo yêu cầu; trường có sử dụng hệ thống nước sạch.

Tổ chức bộ máy nhà trường: được chia làm 03 tổ gồm: Tổ Văn phòng, tổ KHTN, tổ KHXXH gồm 27 cán bộ, giáo viên, nhân viên biên chế, 04 giáo viên HĐ 111, 01 nhân viên hợp đồng.

Tổng số học sinh toàn trường năm học 2025-2026, tính đến 31/5/2026, là 584 gồm 13 lớp: Khối 6 là: 155 học sinh /3 lớp; Khối 7 là: 137 học sinh/3 lớp; Khối 8: 182 học sinh/4 lớp; Khối 9 là: 110 học sinh/3 lớp.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo

	Nội dung	Tổng số	Trình độ						Hạng CDNN				Chuẩn NN			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Khác	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	31	0	0	29	2	0	0	0	18	7	2	11	11	0	4
	Giáo viên															
I	Trong đó số giáo viên dạy môn:	26	0	0	26	0	0	0	0	15	7	0	11	11		4
1	Toán	5	0		5	0	0	0		4	1	0				2
2	KHTN (Lý)	1	0	0	1	0	0	0		1		0				
3	KHTN Hóa	2	0	0	1	0	0	0			1	0				1
4	KHTN Sinh	2	0	0	2	0	0	0		2		0				
5	Văn	5	0	0	5	0	0	0		5		0				1
6	KHXXH(Sử)	1	0	0	1	0	0	0		1		0				
7	KHXXH(Địa)	1	0	0	1	0	0	0		1		0				
8	Tiếng Anh	3	0	0	3	0	0	0		1	2	0				

9	GDTC	1	0	0	1	0	0	0		1		0				
10	Tin học		0	0		0	0	0				0				
11	NT(Mĩ thuật)	1	0	0	1	0	0	0			1	0				
12	NT(Âm nhạc)	1	0	0	1	0	0	0			1	0				
13	Công nghệ	1	0	0	1	0	0	0			1	0				
14	GDCD	1	0	0	1	0	0	0		1						
15	TPT Đội	1	0	0	1	0	0	0				0				
II	Cán bộ quản lý	3	0	0	3	0	0	0								
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	1	2	0	0	0	0	2	0	0	2	0	0	0
III	Nhân viên	2				2										
1	Nhân viên văn thư															
2	Nhân viên kế toán															
3	Thủ quỹ															
4	Nhân viên y tế	1				1										
5	Nhân viên thư viện	1				1										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm															
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật															
8	Nhân viên công nghệ thông tin															
9	Nhân viên BV							1								

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở Khánh Hội

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	13	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	15	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	9	
6	Số phòng học đa năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
7	Bình quân lớp/phòng học	1	
8	Bình quân học sinh/lớp	41.2	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m2)	5616(m2)	
V	Tổng diện tích sân chơi bãi tập (m2)	3356(m2)	
VI	Tổng diện tích các phòng		
	Diện tích phòng học (m2)	684(m2)	
	Diện tích phòng học bộ môn (m2)	540(m2)	
	Diện tích thư viện (m2)	54(m2)	
	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m2)	475m2	
	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m2)	45(m2)	
	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	3	
	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có quy định	3	
	Khối lớp 6	0	
	Khối lớp 7	1	
	Khối lớp 8	1	
	Khối lớp 9	1	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
	Khối lớp 6	1	
	Khối lớp 7	0	
	Khối lớp 8	0	
	Khối lớp 9	0	
	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/ thiết bị)	0(m2)	
	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính:bộ)	31	
	Tổng số thiết bị dùng chung khác	13	
	Tivi	15	
	Cát xét	2	
	Đầu Video/đầu đĩa		
	Máy chiếu OverHead/ projector/ vật thể	0	
	Thiết bị khác...	5	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	17	Số thiết bị/lớp
1	Tivi	15	1/lớp
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/ đầu đĩa	0	

4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Thiết bị khác....	5	
		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho GV	Dùng cho HS		Số m2/học sinh	
		2	Chung	Nam/nữ	Chung	Nam/nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	2	0	2	0	2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh	0	0	0	0	0

(Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (Website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được các cơ quan thẩm quyền phê duyệt

a) Danh mục sách giáo khoa lớp 9 trường THCS Khánh Hội từ năm học 2024-2025

STT	MÔN, HĐGD	TÊN BỘ SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	TỔ CHỨC, CÁ NHÂN (NXB)
1	Toán	Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
2	KHTN	Chân trời sáng tạo	Tổng chủ biên kiêm chủ biên: Cao Cự Giác, Nguyễn Đức Hiệp, Tống Xuân Tám (Đồng Chủ biên), Nguyễn Công Chung, Trần Hoàng Dương, Phạm Thị Hương, Trần Hoàng Nghiêm, Lê Cao Phan, Hoàng Vĩnh Phú, Nguyễn Tân Trung.	Chân trời sáng tạo
3	Công nghệ	Định hướng nghề nghiệp Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Phạm Mạnh Hà (Chủ biên), Nguyễn Xuân An, Nguyễn Thị Bích Thủy, Vũ Cẩm Tú.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà. Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Phạm Khánh Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	GĐTC	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên). Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thành Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Tin học	Tin học 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Ngữ văn	Kết nối tri thức và cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (Đồng chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải phương, Nguyễn Thị Minh Thương, Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Tiếng Anh	Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Lịch sử & Địa lí	Kết nối tri thức và cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên phần lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ, (TCB cấp THCS phần lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (Đồng chủ biên phần lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú, Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên, kiêm chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Trâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Nghệ thuật (Âm nhạc)	Kết nối tri thức và cuộc sống	Hoàng Long (Tổng chủ biên, kiêm chủ biên), Bùi Minh Hoa, Vũ Mai Lan, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đình Gia Lê (Tổng chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trương Triều Dương	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	GĐCD	Cánh Diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng chủ biên), Phạm Việt Thắng (chủ biên), Bùi Xuân Anh, Dương Thị Thúy Nga, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận., Mai Thu Trang, Trần Văn Thắng	Nhà xuất bản Đại học Huế
12	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 9	Chân trời sáng tạo bản 1	Đình Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên (Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên, Lại Thị Yên Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

(Danh mục gồm 12 sách giáo khoa lớp 9)

b) Danh mục sách giáo khoa lớp 8 trường THCS Khánh Hội từ năm học 2023-2024

TT	Môn (HDGD)	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 8	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	Đại học Sư phạm
3	Tiếng Anh 8 English Discovery		Trần Thị Lan Anh (Chủ biên), Nguyễn Thu Hiền.	Đại học Sư phạm
4	Giáo dục công dân 8	Cánh diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Bùi Xuân Anh, Dương Thị Thúy Nga, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận, Mai Thu Trang.	Đại học Huế
5	Khoa học tự nhiên 8	Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác (Tổng chủ biên, kiêm Chủ biên), Phạm Thị Hương, Trần Thị Kim Ngân, Nguyễn Thị Nhi, Trần Ngọc Thắng	Giáo dục Việt Nam
6	Lịch sử và Địa lí 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Thị Côi, Vũ Văn Quân (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Đức Anh, Phạm Thị Thanh Huyền, Đặng Hồng Sơn; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Đình Giang, Phạm Thị Thu Phương (đồng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Thị Thu Hiền, Đặng Thị Huệ, Phí Công Việt.	Giáo dục Việt Nam
7	Tin học 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Bùi Việt Hà, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai.	Giáo dục Việt Nam
8	Công nghệ 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Cao Bá Cường, Bùi Hữu Đoàn, Bùi Thị Thu Hương, Kim Văn Vạn.	Giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Lê Thị Tuyết, Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Vũ Thị Thanh Hương.	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Ngô Việt Hoàn, Trần Mạnh Hùng.	Giáo dục Việt Nam

TT	Môn (HDGD)	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
12	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 8	Chân trời sáng tạo	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Trần Bảo Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam

(Danh mục gồm 12 sách giáo khoa lớp 8)

c) Danh mục sách giáo khoa lớp 7 trường THCS Khánh Hội từ năm học 2022-2023

TT	Môn (HDGD)	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 7	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	Đại học Sư phạm
3	Tiếng Anh 7 English Discovery		Trần Thị Lan Anh (Chủ biên), Nguyễn Thu Hiền.	Đại học Sư phạm
4	Giáo dục công dân 7	Cánh diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Bùi Xuân Anh, Dương Thị Thúy Nga, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận, Mai Thu Trang.	Đại học Huế
5	Khoa học tự nhiên 7	Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác (Tổng chủ biên, kiêm Chủ biên), Phạm Thị Hương, Trần Thị Kim Ngân, Nguyễn Thị Nhị, Trần Ngọc Thắng	Giáo dục Việt Nam
6	Lịch sử và Địa lí 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Thị Côi, Vũ Văn Quân (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Đức Anh, Phạm Thị Thanh Huyền, Đặng Hồng Sơn; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Đình Giang, Phạm Thị Thu Phương (đồng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Thị Thu Hiền, Đặng Thị Huệ, Phí Công Việt.	Giáo dục Việt Nam
7	Tin học 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Bùi Việt Hà, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai.	Giáo dục Việt Nam
8	Công nghệ 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Cao Bá Cường, Bùi Hữu Đoàn, Bùi Thị Thu Hương, Kim Văn Vạn.	Giáo dục Việt Nam

TT	Môn (HDGD)	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
9	Âm nhạc 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Lê Thị Tuyết, Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Vũ Thị Thanh Hương.	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Ngô Việt Hoàn, Trần Mạnh Hùng.	Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 7	Chân trời sáng tạo	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Trần Bảo Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam

(Danh mục gồm 12 sách giáo khoa lớp 7)

d) Danh mục sách giáo khoa lớp 6 trường THCS Khánh Hội từ năm học 2021-2022

TT	Môn (HDGD)	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Nguyễn Linh Chi, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 6 Tập 1	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	Đại học Sư phạm
3	Tiếng Anh 6	Tiếng Anh 6 English Discovery	Trần Thị Lan Anh (Chủ biên), Hoàng Thị Minh Lý	Đại học Sư phạm
4	Giáo dục công dân 6	Cánh diều	Trần Văn Thắng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hoài, Nguyễn Thúy Quỳnh, Mai Thu Trang	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
5	Khoa học tự nhiên 6	Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác (Tổng chủ biên, kiêm Chủ biên), Phạm Thị Hương, Trần Thị Kim Ngân, Nguyễn Thị Nhị, Trần Ngọc Thắng	Giáo dục Việt Nam
6	Lịch sử và	Kết nối tri thức	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên),	Giáo dục Việt Nam

TT	Môn (HDGD)	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
	Địa lí 6	thức với cuộc sống	Nghiêm Đình Vỳ, Đào Ngọc Hùng (đồng Tổng Chủ biên), Đinh Ngọc Bảo, Đào Ngọc Hùng (đồng Chủ biên), Vũ Thị Hằng, Phan Ngọc Huyền, Phạm Thị Thanh Huyền, Lê Huỳnh, Trần Thị Hồng Mai, Hoàng Anh Tuấn, Phí Công Việt	Nam
7	Tin học 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công, Hà Đăng Cao Tùng, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai	Giáo dục Việt Nam
8	Công nghệ 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Trương Thị Hồng Huệ, Lê Xuân Quang, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Cẩm Tú	Giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lân, Trịnh Thị Oanh, Cao Sỹ Anh Tùng, Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng Tổng chủ biên), Phạm Thị Chinh, Phạm Minh Phong (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị May, Đoàn Dũng Sĩ	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hồ Đắc Sơn, Nguyễn Duy Quyết (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Việt Hoàn, Nguyễn Mạnh Toàn (đồng Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Hữu Bình, Nguyễn Xuân Đoàn, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Đỗ Mạnh Hưng, Lê Chí Nhân, Phạm Hoài Quyên, Phạm Mai Vương	Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 6	Chân trời sáng tạo	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Đình Bảy, Trần Thị Quỳnh Trang (đồng Chủ biên), Trần Minh Hường, Nguyễn Thị Bích Liên, Vũ Phương Liên, Trần Bảo Ngọc, Lại Thị Yến Ngọc, Vũ Thanh Thủy, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam

(Danh mục gồm 12 sách giáo khoa lớp 6)

Ghi chú: Từ năm học 2026-2027 thực hiện 01 bộ sách giáo khoa *Kết nối tri thức với cuộc sống* theo quy định của Bộ GDĐT.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

1.1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<i>Tiêu chuẩn 1</i>				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	X

Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 3.

4.1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí (Khoản, Điều)	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2	X		
Tiêu chí 3	X		
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	
Tiêu chí 6	X		

Kết quả: Không đạt Mức 4

Kết luận: Đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

1.2. Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 02.

2. Kế hoạch cải tiến.

Năm học 2025-2026

Thực hiện phát triển chiến lược nhà trường giai đoạn 2025-2030 và định hướng đến 2035, các kế hoạch chiến lược hằng năm, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn. Đảm bảo tốt việc quản lý hành chính và tài chính;

Tích cực đổi mới công tác dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục nâng cao năng lực cá nhân từng học sinh. Đổi mới công tác bồi dưỡng giáo viên,

chú trọng việc tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên và bồi dưỡng nâng cao năng lực và dạy và học Tiếng Anh;

Tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành đầu tư thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đáp ứng yêu cầu trường chuẩn Quốc gia (Mức độ 2) và để đảm bảo đáp ứng dạy và học cũng như tổ chức các hoạt động giáo dục khác; xây dựng thêm Nhà đa năng đáp ứng nhu cầu và các điều kiện cho dạy và học, từng bước đầu tư trang thiết bị dạy học để đáp ứng yêu cầu đổi mới;

Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh. Thực hiện hiệu quả đổi mới chương trình giáo dục phổ thông theo CTGDPT 2018.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở Khánh Hội năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	155 Học sinh 100% học sinh trong độ tuổi, TNTH ra lớp	137 Học sinh 100% Học sinh trong độ tuổi ra lớp	182 Học sinh 100% Học sinh trong độ tuổi ra lớp	110 Học sinh 100% Học sinh trong độ tuổi ra lớp
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chương trình theo đúng Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025- 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Ninh Bình; Công văn số 541/SGDĐT-GDTrH ngày 20/8/2025 hướng dẫn tổ chức dạy học 02 buổi/ngày đối với giáo dục trung học năm học 2025-2026; Công văn số 664/SGDĐT-GDTrH ngày 29/8/2025 của Sở GDĐT về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2025-2026; Công văn số 700/SGDĐT-CTHSSV ngày 04/9/2025 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 đối với công tác học sinh sinh viên; Công văn số 736/SGDĐT-GDTrH ngày 09/9/2025 của Sở GDĐT về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Giáo dục trung học năm học 2024-2025. - Dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình GDPT 2018 đối với khối 6, 7, 8, 9. Đẩy mạnh dạy học theo chủ đề, dạy học theo chủ đề STEM tích hợp liên môn. - Thực hiện tốt các tiết HĐTNHN theo quy định. 			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường đã phối hợp với trường Tiểu học Khánh Hội nắm bắt cụ thể số liệu học sinh cũng như chất lượng giáo dục để có kế hoạch cho năm học mới. - Nhà trường đã phối hợp với các trường dạy nghề trên địa bàn Tỉnh Ninh Bình làm tốt công tác định hướng hướng nghiệp sau tốt nghiệp cho học sinh lớp 9. - Nhà trường phối hợp chặt chẽ với gia đình và các tổ chức đoàn thể trên địa bàn xã Khánh Hội làm tốt công tác giáo dục trong và ngoài nhà trường. - Học sinh thực hiện tốt nội qui nhà trường, nội qui sử dụng phòng học bộ môn. 			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Hằng năm nhà trường đã tổ chức quyên góp ủng hộ những học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong trường, làm tốt công tác ủng hộ, từ thiện theo chỉ đạo của cấp trên. - Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp với nội dung và hình thức phong phú. - Lòng ghép nội dung giáo dục kỹ năng sống, bảo vệ môi trường; giáo dục quốc phòng và an ninh trong một số môn học: Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý, GDCD, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật), Giáo dục địa phương, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp - Thực hiện chính sách miễn giảm học phí, quan tâm, chăm lo, hỗ trợ học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn. 			

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	* Rèn luyện: Tốt: 148 = 95,5% Khá: 7 = 4,5% Đạt: 0 = 0,0% * Học tập: Tốt: 43 = 27,7% Khá: 61 = 39,4% Đạt: 51 = 32,6% Chưa đạt: 0 = 0% * Sức khỏe: Tốt: 95,5% Khá: 4,5%	* Rèn luyện: Tốt: 131 = 95,6% Khá: 6 = 4,4% Đạt: 0 = 0% * Học tập: Tốt: 39 = 28,7% Khá: 57 = 41,2% Đạt: 41 = 30,1% Chưa đạt: 0 = 0% * Sức khỏe: Tốt: 95,6% Khá: 4,4%	* Rèn luyện: Tốt: 175 = 94,6% Khá: 6 = 5,4% Đạt: 0 = 0,0% * Học tập: Giỏi: 51 = 28,0% Khá: 70 = 38,5% Đạt: 61 = 33,5% Chưa đạt: 0 = 0% * Sức khỏe: Tốt: 94,6% Khá: 5,4%	* Rèn luyện: Tốt: 104 = 94,6% Khá: 6 = 5,4% * Học tập: Tốt: 21 = 27,2% Khá: 45 = 40,9% Đạt: 34 = 30,9% Chưa đạt: 0% * Sức khỏe: Tốt: 94,6% Khá: 5,4%
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	155 Học sinh tiếp tục theo học lên lớp 7	137 Học sinh tiếp tục theo học lên lớp 8	182 Học sinh tiếp tục theo học lên lớp 9	108 Học sinh tiếp tục theo học lên cấp THPT, các loại hình GD khác. 02 học sinh khuyết tật có khả năng học nghề dành cho người khuyết tật.

2. Thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở Khánh Hội năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo rèn luyện	584	155	137	182	110
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	557 95,3	150 96,8	129 94,2	172 94,5	106 98,4
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	26 4,5	5 3,2	7 5,1	10 5,5	4 3,6
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0 0,4	0 0	0 0	0 0,0	0 0,0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	01 0,2	0 0,0	1 0,7	0 0,0	0 0,0
II	Số học sinh chia theo học tập	584	155	137	182	110
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	184 31,5	55 35,5	41 29,9	57 31,3	31 28,2
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	239 40,9	65 41,9	49 35,8	74 40,7	51 46,4
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	160 27,4	35 22,6	46 33,6	51 28,0	28 25,5
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,2	0 0,0	1 0,7	0 0,0	0 0,0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	584	155	137	182	110
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	583 99,8	155 100	131 99,3	182 100	110 100
	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	184 31,5	55 35,5	41 29,9	57 31,3	31 28,2
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Lưu ban	1	0	1	0	0

	(tỷ lệ so với tổng số)	0.2	0	0.7	0	0
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0 0	0 0	0 0	0 0	0 0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0 0	0 0	0 0	0 0	0 0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp tỉnh/thành phố	12	0	0	3	9
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
3						
V	Số học sinh hoàn thành chương trình THCS	110				110
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	290/294	77/74	67/70	92/90	54/56
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	1	0	0	0	1

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi phụ đạo học sinh yếu kém

1.1. Công tác phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi

Thực hiện Công văn số 541/SGDDĐT-GDTrH ngày 20/8/2025 hướng dẫn tổ chức dạy học 02 buổi/ngày đối với giáo dục trung học năm học 2025-2026; Công văn số 664/SGDDĐT-GDTrH ngày 29/8/2025 của Sở GDĐT về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2025-2026;

Công tác bồi dưỡng đội tuyển HSG hàng năm được nhà trường đặc biệt quan tâm. Việc tổ chức bồi dưỡng đội tuyển HSG được BGH nhà trường lên kế hoạch phân công cụ thể và tiến hành triển khai nghiêm túc theo kế hoạch. GV được phân công dạy là những giáo viên có năng lực, có kinh nghiệm và tâm huyết, không đòi hỏi sự thù lao nào.

- Phân công giáo viên có năng lực trình độ chuyên môn chuyên sâu bồi dưỡng. Xây dựng kế hoạch từ đầu năm học. Phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu trong các môn học. Hàng tuần có lịch bồi dưỡng cụ thể. coi trọng công tác bồi dưỡng HSG là mũi nhọn.

* Kết quả các cuộc thi, kỳ thi, hội thi cấp tỉnh:

- Trong cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật và Ngày hội STMEM: Trường có 01 sản phẩm được Phòng VHXXH xã chọn dự thi cấp tỉnh 01 sản phẩm và 02 em tham gia đoạt giải Nhì; cùng với trường THCS trong xã tham gia Cuộc thi KHKT và Ngày hội STEM cấp tỉnh xếp thứ 21/129 xã, phường; đạt cờ Nhì toàn đoàn.
- Trong kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 8, 9 nhà trường có 21 em dự thi, trong đó có 18 em lớp 9/9 đội tuyển; 03 em lớp 8/3 đội tuyển. Kết quả: Đạt 04 giải/21 học sinh dự thi; Có 01 giải Nhất môn LS&ĐL (Phân môn Địa lý), 02 giải Ba (01 HS lớp 8 (Môn Ngữ văn), 01 HS lớp 9 (Môn LS&ĐL (Phân môn Lịch sử))), 01 giải Khuyến khích (môn LS&ĐL (Phân môn Địa lý)). Toàn đoàn đạt 69,30 điểm, xếp thứ 16/365 trường nhóm 2 các trường THCS trong toàn tỉnh; được tặng cờ Ba.
- Trong kỳ thi giải Toán qua tiếng Anh cho học sinh phổ thông nhà trường có 02 em dự thi; đạt 02 giải/02 học sinh dự thi, trong đó có 02 em đạt giải Khuyến khích.
- Trong Đại hội TDTT các trường phổ thông tỉnh Ninh Bình lần thứ nhất năm 2026, nhà trường

có 09 em dự thi cấp tỉnh, có 04 em đạt giải, trong đó có 01 giải Nhì (HC Bạc môn nhảy cao Nam), 01 giải Ba (HC Đồng môn nhảy cao Nữ), 02 giải Khuyến khích điền kinh (Chạy 200m Nam và chạy 1500m Nam); cùng với các tiểu học, THCS trong xã là đơn vị đạt 759 điểm, xếp thứ 21/64 xã/phường tham dự thuộc khu vực 1, được tặng cờ Nhì toàn đoàn.

- Tổng số học sinh đạt giải cấp tỉnh các Hội thi, kỳ thi, cuộc thi văn hóa, TDTT, ... là 12 giải, gồm: Giải Nhất: 01, giải Nhì: 03, giải Ba: 03, giải Khuyến khích: 05.
- Các kỳ thi, cuộc thi khác do Sở GDĐT phối hợp tổ chức: Nhà trường đều có học sinh tham gia. Tuy nhiên kết quả chưa cao, chưa có học sinh được chọn dự thi lên cấp cao hơn.

1.2. Phụ đạo học sinh chưa đạt

- Công tác phụ đạo, giúp đỡ học sinh yếu luôn được quan tâm đúng mức, được triển khai thực hiện bắt đầu từ đầu năm học 3 môn Toán, Văn, Anh cho 4 khối lớp. Chất lượng học sinh đại trà duy trì ổn định tốp đầu các trường trong toàn huyện

- Chất lượng đại trà, phụ đạo học sinh yếu kém được quan tâm. Nâng cao chất lượng dạy học, học thật, chất lượng thật.

* Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh

STT	Lớp	Số	Kết quả học tập								Kết quả rèn luyện							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
CỘNG		584	184	31.5	239	40.9	160	27.4	1	0.2	557	95.3	26	4.5	0	0.0	1	0.2
Khối 6		155	55	35.5	65	41.9	35	22.6	0	0.0	150	96.8	5	3.2	0	0.0	0	0.0
1	6A	34	65.4	18	34.6	0	0.0	0	0.0	52	100.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0.0
2	6B	7	13.7	27	52.9	17	33.3	0	0.0	48	94.1	3	5.9	0	0.0	0	0.0	0.0
3	6C	14	26.9	20	38.5	18	34.6	0	0.0	50	96.2	2	3.8	0	0.0	0	0.0	0.0
Khối 7		137	41	29.9	49	35.8	46	33.6	1	0.7	129	94.2	7	5.1	0	0.0	1	0.7
4	7A	38	82.6	8	17.4	0	0.0	0	0.0	46	100.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0.0
5	7B	3	6.5	21	45.7	21	45.7	1	2.2	41	89.1	4	8.7	0	0.0	1	2.2	2.2
6	7C	0	0.0	20	44.4	25	55.6	0	0.0	42	93.3	3	6.7	0	0.0	0	0.0	0.0
Khối 8		182	57	31.3	74	40.7	51	28.0	0	0.0	172	94.5	10	5.5	0	0.0	0	0.0
7	8A	45	95.7	2	4.3	0	0.0	0	0.0	47	100.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0.0
8	8B	7	15.2	21	45.7	18	39.1	0	0.0	44	95.7	2	4.3	0	0.0	0	0.0	0.0
9	8C	3	6.8	25	56.8	16	36.4	0	0.0	40	90.9	4	9.1	0	0.0	0	0.0	0.0
10	8D	2	4.4	26	57.8	17	37.8	0	0.0	41	91.1	4	8.9	0	0.0	0	0.0	0.0
Khối 9		110	31	28.2	51	46.4	28	25.5	0	0.0	106	96.4	4	3.6	0	0.0	0	0.0
11	9A	30	76.9	9	23.1	0	0.0	0	0.0	39	100.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0.0
12	9B	0	0.0	19	51.4	18	48.6	0	0.0	37	100.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0.0
13	9C	1	2.9	23	67.6	10	29.4	0	0.0	30	88.2	4	11.8	0	0.0	0	0.0	0.0

1.3. Công tác triển khai thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, giáo dục định hướng STEM

a) Việc đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

Triển khai Công của Sở GDĐT về việc Hướng dẫn thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, giáo dục định hướng STEM trong nhà trường phổ

thông.

- Thực hiện sự chỉ đạo của Sở GD&ĐT Ninh Bình, nhà trường đã tập huấn về chuyên môn cho tất cả các giáo viên ngay từ đầu năm. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Giúp HS tự tìm tòi phát hiện và tìm ra kiến thức cần nắm vững, tích cực sử dụng thiết bị dạy học, phiếu học tập... góp phần đem lại hiệu quả dạy học. Thực hiện chuyên đề cấp Thành phố môn KHTN được đánh giá cao.

- Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề kiểm tra định kỳ, cuối học kì, cuối năm học theo ma trận và viết câu hỏi phục vụ ma trận đề. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao. Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của học sinh, giáo viên và nhà trường xác định tỉ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao.

- Sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu nội dung bài giảng, tập trung thảo luận các chuyên đề, nội dung khó của môn học hoặc những phương pháp dạy học, cách thức tổ chức lớp học hiệu quả cho các nội dung đó. Chỉ đạo tổ chuyên môn lồng ghép nội dung này trong sinh hoạt cụm, chuyên đề các cấp.

* *Những tồn tại hạn chế:* Một số giáo viên còn chưa tích cực đổi mới kiểm tra đánh giá, chủ yếu ở các giáo viên có tuổi. Vì vậy còn ảnh hưởng đến chất lượng nói chung.

b) Công tác giáo dục STEM

* *Công tác chỉ đạo.*

- Nhằm thúc đẩy việc triển khai công tác giáo dục về STEM trong chương trình GDPT mới, thời gian qua, nhà trường đã lan tỏa chương trình tập huấn STEM cho GV. Chương trình tập huấn nhằm cung cấp cho giáo viên phương pháp hỗ trợ học sinh nâng cao kiến thức chuyên môn và liên môn, phát triển tư duy, kỹ năng làm việc nhóm cũng như cá nhân trong quá trình học tập.

- Xây dựng Kế hoạch ngay từ đầu năm cho tổ chuyên môn. Yêu cầu mỗi giáo viên lập kế hoạch bộ môn có sự phê duyệt của BGH.

* *Kết quả đã đạt:* Trong năm học qua nhà trường đã chỉ đạo lên lớp các tiết dạy học STEM. Đặc biệt xây dựng tham gia có hiệu quả Ngày hội Stem cấp trường kết hợp với tuyên truyền về văn hóa đọc trong học sinh.

* *Những tồn tại hạn chế:* Còn một số bộ phận GV ngại đổi mới chưa mạnh dạn thực hiện triển khai công tác này.

2. Về việc triển khai, thực hiện cuộc thi, Hội thi, kỳ thi KHKT

** Công tác chỉ đạo.*

Thực hiện Công văn của Sở GD&ĐT Ninh Bình về việc hướng dẫn tổ chức các cuộc thi cấp tỉnh, nhà trường đã nghiêm túc triển khai tới GV và HS toàn trường.

- Khuyến khích học sinh trung học nghiên cứu, sáng tạo khoa học, công nghệ, kĩ thuật, vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn cuộc sống;
- Góp phần thúc đẩy đổi mới hình thức tổ chức và phương pháp dạy học, đổi mới hình thức và phương pháp đánh giá kết quả học tập, phát triển năng lực học sinh, nâng cao chất lượng dạy học trong các cơ sở giáo dục trung học;
- Tạo cơ hội để học sinh trung học giới thiệu kết quả nghiên cứu, sáng tạo khoa học, kĩ thuật của mình;

** Kết quả đã đạt:* Có 01 sản phẩm dự thi NCKHKT cấp tỉnh đạt giải Nhì;

3. Công tác Giáo dục đạo đức lối sống

** Công tác chỉ đạo.*

- Nhà trường triển khai nghiêm túc Công văn về Hướng dẫn triển khai công tác Giáo dục an toàn giao thông cấp THCS.

- Chỉ đạo các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tham gia giao thông một cách an toàn không để xảy ra tình trạng vi phạm.

- Phối hợp với Ban công an xã tổ chức tuyên truyền giao thông cho học sinh. Xây dựng Kế hoạch cụ thể trong năm học, ký kết giao ước các đợt cao điểm trong năm.

- Tích cực tuyên truyền nội dung này cho GV và HS. Lồng ghép nội dung đạo đức, lối sống trong các môn học như GDCD, MT, AN, Ngữ văn có hiệu quả. Tổ chức các chuyên đề HĐGDNGLL, tham gia cuộc thi ANGT vì Nụ cười ngày mai.

** Kết quả đã đạt:* Trong năm học qua không có tình trạng học sinh bị thương tích vì tai nạn giao thông.

** Những tồn tại hạn chế:* Một số phụ huynh còn chưa ý thức cao trong vận động nhắc nhở phối hợp cho học sinh khi tham gia giao thông.

4. Công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh

** Công tác chỉ đạo.*

Triển khai các văn bản: Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Ninh Bình; Công văn số 700/SGDĐT-CTHSSV ngày 04/9/2025 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 đối với công tác học sinh sinh viên;

Giáo dục cho HS niềm yêu lao động và ý thức đúng đắn với nghề nghiệp phù hợp với thực tiễn của địa phương. Đổi mới nội dung và phương thức GD như cho HS tăng cường hoạt động trải nghiệm...Lồng ghép thông qua việc dạy tích hợp với các

bài dạy ở tất cả các bộ môn.

* *Kết quả đã đạt:* Cơ bản trang bị cho HS những kiến thức kỹ năng lao động cần thiết khi học sinh hết lớp 9 có thể tham gia lao động sản xuất.

* *Những tồn tại hạn chế:* Việc tuyên truyền nội dung này còn chưa sâu rộng, còn chưa đa dạng.

5. Việc thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường

* *Công tác chỉ đạo.*

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh; sử dụng các phần mềm ứng dụng dạy học nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

* *Kết quả đã đạt:* Đảm bảo đủ các loại hồ sơ, đảm bảo tính pháp lý, cập nhật thông tin thường xuyên. Điểm đánh giá chuyển đổi số:

(Theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT của Bộ GDĐT đối với CSGD phổ thông)

- Tổng điểm chuyển đổi số trong dạy, học tự đánh giá: 55/100 điểm.

- Tổng điểm Chuyển đổi số trong quản trị tự đánh giá: 94/100 điểm.

- Tự xếp loại mức độ chuyển đổi số chung của đơn vị: Mức độ 2 (Mức cơ bản đã hoàn thiện, đang tiệm cận Mức độ 3 – Mức nâng cao).

* *Những tồn tại hạn chế:* Do tình trạng tinh giản biên chế, thiếu nhân viên nên bộ phận phụ trách thường là giáo viên kiêm nhiệm, còn chồng chéo công việc, không chuyên sâu, ảnh hưởng, gây khó khăn trong công tác chỉ đạo.

Trên đây là Báo cáo công khai tháng 6 năm 2026 của trường THCS Khánh Hội, nhà trường công khai đến các cấp lãnh đạo, Cha mẹ học sinh, đội ngũ CB, GV, NV nhà trường để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục trong năm học 2026-2027

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Ninh Bình;
- Đảng ủy, HĐND, UBND xã Khánh Hội;
- Website trường THCS Khánh Hội;
- CB, GV, NV THCS Khánh Hội;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
KHÁNH HỘI

Ngô Quang Minh